

Vietnamese (Tiếng Việt)

## Nghi thức giới thiệu

Biển báo chữ thập

Nhân danh Chúa Cha, và của Con,  
và của Chúa Thánh Thần.

Amen

Lời chào

Ân sủng của Chúa Jesus Christ của chúng ta, và tình yêu của Chúa, và sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần ở bên tất cả các bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Hành động sám hối

Anh em (anh chị em), chúng ta hãy thừa nhận tội lỗi của mình, Và vì vậy hãy chuẩn bị để ăn mừng những bí ẩn thiêng liêng.

Tôi thú nhận với Chúa toàn năng Và với bạn, anh chị em của tôi, rằng tôi đã phạm tội rất nhiều, trong suy nghĩ của tôi và trong lời nói của tôi, trong những gì tôi đã làm và trong những gì tôi đã không làm, thông qua lỗi của tôi, thông qua lỗi của tôi, thông qua lỗi đau buồn nhất của tôi; Vì vậy, tôi hỏi Mary Ever-irgin, Tất cả các thiên thần và các vị thánh, Và bạn, anh chị em của tôi, để cầu nguyện cho tôi với Chúa, Thiên Chúa của chúng ta.

Cầu mong Chúa toàn năng thương xót chúng ta, tha thứ cho chúng ta tội lỗi của chúng ta, Và đưa chúng ta đến cuộc sống vĩnh cửu.

Amen

Lithuanian (Lietuvis)

## Įvadinės apeigos

Kryžiaus ženklas

Vardan Dievo Tėvo, ir Sūnaus, ir Šventosios Dvasios.

Amen

Pasisveikinimas

Viešpaties Jėzaus Kristaus malonė, Dievo Tėvo meilė ir Šventosios Dvasios bendrystė tebūna su jumis visais.

Ir su tavo dvasia.

Gailėsčio aktas

Broliai (broliai ir seserys), pripažinkime savo nuodėmes, Ir taip pasiruoškite švęsti šventas paslaptis.

Aš prisipažįstu visagaliui Dievui Ir tau, mano broliai ir seserys, kad aš labai nusidėjau, Mano mintyse ir mano žodžiais, Tai, ką padariau, ir to, ko man nepavyko padaryti, Per mano kaltę, Per mano kaltę, Dėl mano sunkiausios kaltės; Todėl klausiu palaimintos Marijos visur-virgin, Visi angelai ir šventieji, Ir tu, mano broliai ir seserys, melstis už mane Viešpačiui, mūsų Dievui.

Tegul visagalis Dievas pasigailės mūsų, Atleisk mums savo nuodėmes, Ir atvesk mus į amžinąjį gyvenimą.

Amen

Vietnamese (Tiếng Việt)

Kyrie

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa ơi, xin thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Chúa có lòng thương xót.

Gloria

Vinh quang Đức Chúa Trời cao cả nhất, và hòa bình trên trái đất cho những người có thiện chí. Chúng tôi khen ngợi bạn, chúng tôi chúc phúc cho bạn, Chúng tôi yêu mến bạn, chúng tôi tôn vinh bạn, chúng tôi cảm ơn bạn vì vinh quang to lớn của bạn, Lạy Chúa là Vua trên trời, Lạy Chúa là Cha toàn năng. Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Độc Sinh, Lạy Chúa là Thiên Chúa, Chiên Con của Chúa, Con của Cha, bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi; bạn lấy đi tội lỗi của thế giới, nhận lời cầu nguyện của chúng tôi; bạn đang ngồi bên hữu Đức Chúa Cha, Hãy thương xót chúng tôi. Đối với bạn một mình là Đấng Thánh, một mình bạn là Chúa, một mình bạn là Đấng Tối Cao, Chúa ơi, với Chúa Thánh Thần, trong vinh quang của Đức Chúa Trời là Cha. Amen.

Sưu tầm

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

Phụng vụ của từ

Lần đầu đọc

Lithuanian (Lietuvis)

Kyrie

Viešpatie pasigailėk.

Viešpatie pasigailėk.

Kristau, pasigailėk.

Kristau, pasigailėk.

Viešpatie pasigailėk.

Viešpatie pasigailėk.

Gloria

Garbė Dievui aukštybėse, o žemėje ramybė geros valios žmonėms. Mes giriame tave, mes laiminame tave, mes tave dieviname, mes šloviname tave, dėkojame tau už didžiulę šlovę, Viešpatie Dieve, dangaus karaliau, O Dieve, visagalis Tėve. Viešpatie Jėzau Kristau, Viengimis Sūnų, Viešpatie Dieve, Dievo Avinėli, Tėvo Sūnau, tu naikini pasaulio nuodėmes, pasigailėk mūsų; tu naikini pasaulio nuodėmes, priimk mūsų malda; tu sėdi Tėvo dešinėje, pasigailėk mūsų. Juk tu vienas esi Šventasis, tu vienas esi Viešpats, tu vienas esi Aukščiausiasis, Jėzus Kristus, su Šventąja Dvasia, Dievo Tėvo šlovėje. Amen.

Surinkti

Pasimelskime.

Amen.

Žodžio liturgija

Pirmasis svarstymas

## Vietnamese (Tiếng Việt)

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Thi thiên đáp ứng

Đọc thứ hai

Lời của Chúa.

Tạ ơn thần.

Sách Phúc Âm

**Chúa ở với bạn.**

Và với tinh thần của bạn.

**Bài đọc Phúc âm thánh theo N.**

Vinh quang cho bạn, hỡi Chúa

**Tin Mừng của Chúa.**

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ngợi khen Chúa.

Tuyên xưng đức tin

Tôi tin vào một Chúa, Cha toàn năng, người tạo ra trời và đất, của tất cả những thứ hữu hình và vô hình. Tôi tin vào một Chúa Giê-xu Christ, Con Độc Sinh của Đức Chúa Trời, sinh ra bởi Cha trước mọi thời đại. Chúa từ Chúa, Ánh sáng từ ánh sáng, Chúa thật từ Chúa thật, được sinh ra, không được tạo dựng, hợp thể với Đức Chúa Cha; Nhờ Ngài, tất cả mọi thứ đã được thực hiện. Đối với loài người chúng ta và vì sự cứu rỗi của chúng ta, Ngài đã từ trời xuống, và bởi Chúa Thánh Thần đã nhập thể của Đức Trinh Nữ Maria, và trở thành người đàn ông. Vì lợi ích của chúng tôi, ông ấy đã bị đóng đinh dưới tay Pontius Pilate, anh ta phải chịu cái chết và được chôn cất, và tảng trở lại vào ngày thứ ba phù hợp với Kinh

## Lithuanian (Lietuvis)

Viešpaties žodis.

Ačiū Dievui.

Atsakomoji psalmė

Antrasis svarstymas

Viešpaties žodis.

Ačiū Dievui.

Evangelija

**Viešpats tebūna su tavimi.**

Ir su savo dvasia.

**Šventosios Evangelijos skaitinys pagal N.**

Šlovė tau, Viešpatie

**Viešpaties Evangelija.**

Šlovė tau, Viešpatie Jėzau Kristau.

Tikėjimo profesija

Tikiu į vieną Dievą, visagalis Tėvas, dangaus ir žemės kūrėjas, visų matomų ir nematomų dalykų. Tikiu į vieną Viešpatį Jėzų Kristų, Viengimis Dievo Sūnus, gimęs iš Tėvo prieš visus amžius. Dievas nuo Dievo, Šviesa iš šviesos, tikras Dievas iš tikro Dievo, gimęs, nesukurtas, su Tėvu susijęs; per jį viskas buvo sukurta. Dėl mūsų, vyrų, ir dėl mūsų išgelbėjimo jis nužengė iš dangaus, ir per Šventąją Dvasią įsikūnijo Mergelė Marija, ir tapo žmogumi. Dėl mūsų jis buvo nukryžiuotas valdant Poncijui Pilotui, jis mirė ir buvo palaidotas, ir vėl prisikėlė trečią dieną pagal Šventąjį Raštą. Jis pakilo į dangų ir sėdi Tėvo dešinėje. Jis vėl ateis šlovėje teisti gyvuosius ir mirusiuosius ir jo

## Vietnamese (Tiếng Việt)

thánh. Anh ấy lên trời và ngự bên hữu Đức Chúa Cha. Ngài sẽ trở lại trong vinh quang phán xét người sống và người chết và vương quốc của anh ấy sẽ không có hồi kết. Tôi tin vào Chúa Thánh Thần, Chúa, Đấng ban sự sống, người đến từ Chúa Cha và Chúa Con, ai ở với Cha và Con được tôn thờ và tôn vinh, người đã nói qua các tiên tri. Tôi tin vào một Giáo hội thánh thiện, công giáo và tông truyền. Tôi tuyên xưng một Phép Rửa để được tha tội và tôi mong chờ sự sống lại của người chết và cuộc sống của thế giới sắp tới. Amen.

### Bài giảng

### Cầu nguyện phổ quát

**Chúng tôi cầu nguyện với Chúa.**

Lạy Chúa, xin nghe lời cầu nguyện của chúng con.

## Phụng vụ của Bí tích Thánh Thể

### Vật phẩm

Chúc tụng Chúa đến muôn đời.

**Cầu nguyện, anh em (anh chị em), rằng sự hy sinh của tôi và của bạn có thể được Đức Chúa Trời chấp nhận, Cha toàn năng.**

Xin Chúa chấp nhận sự hy sinh trong tay bạn vì sự ngợi khen và vinh quang danh Ngài, vì lợi ích của chúng tôi và sự tốt lành của tất cả Giáo hội thánh thiện của Ngài.

Amen.

## Lithuanian (Lietuvis)

karalystei nebus galo. Tikiu į Šventąją Dvasią, Viešpatį, gyvybės davėją, kuris kyla iš Tėvo ir Sūnaus, kuris kartu su Tėvu ir Sūnumi yra garbinamas ir šlovinamas, kuris kalbėjo per pranašus. Tikiu viena, šventa, katalikų ir apaštalu bažnyčia. Išpažįstu vieną Krikštą nuodėmėms atleisti ir laukiu mirusiųjų prisikėlimo ir būsimą pasaulio gyvenimą. Amen.

### Homilija

### Visuotinė malda

**Meldžiame Viešpatį.**

Viešpatie, išklausyk mūsų maldą.

## Eucharistijos liturgija

### Pasiūla

Palaimintas Dievas per amžius.

**Melskitės, broliai (broliai ir seserys), kad mano ir tavo auka gali būti priimtina Dievui, visagalis Tėvas.**

Tegul Viešpats priima auką iš jūsų rankų jo vardo šlovei ir šlovei, mūsų labui ir visos jo šventosios Bažnyčios geris.

Amen.

Vietnamese (Tiếng Việt)

Cầu nguyện Thánh Thể

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Nâng cao trái tim của bạn.

Chúng tôi nâng họ lên với Chúa.

Chúng ta hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa của chúng ta.

Nó là đúng và chính xác.

Holy, Holy, Holy Lord God of host.

Trời và đất đầy vinh quang của

bạn. Kinh tin kính chúa tối cao.

Phước cho kẻ nhân danh Chúa mà đến. Kinh tin kính chúa tối cao.

Bí ẩn của niềm tin.

Chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, và tuyên bố sự phục sinh của bạn cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Khi chúng ta ăn Bánh này và uống Chén này, chúng tôi tuyên bố cái chết của bạn, hỡi Chúa, cho đến khi bạn trở lại. Hoặc: Cứu chúng tôi, Cứu Chúa của thế giới, vì Thập tự giá và sự Phục sinh của bạn bạn đã giải phóng chúng tôi.

Amen.

Nghi thức Rước lễ

Theo lệnh của Saviour và được hình thành bởi sự dạy dỗ của thần thánh, chúng tôi dám nói:

Cha của chúng ta, Đấng ngự trên trời, linh thiêng là tên của bạn; vương quốc của bạn đến, bạn sẽ được thực hiện dưới đất cũng như trên trời. Cho chúng tôi miếng ăn hằng ngày, và tha thứ cho chúng

Lithuanian (Lietuvis)

Eucharistinė malda

Viešpats tebūna su tavimi.

Ir su savo dvasia.

Pakelkite savo širdis.

Mes pakeliame juos į Viešpatį.

Dėkokime Viešpačiui, savo Dievui.

Tai teisinga ir teisinga.

Šventas, šventas, šventas

Viešpats kareivijų Dievas. Dangus

ir žemė pilni tavo šlovės. Osana

aukštybėse. Palaimintas, kuris

ateina Viešpaties vardu. Osana

aukštybėse.

Tikėjimo paslaptis.

Mes skelbiame tavo mirtį,

Viešpatie, ir išpažinti savo

Prisikėlimą kol vėl ateisi. Arba: Kai

valgome šią duoną ir geriame šią

taurę, Mes skelbiame Tavo mirtį,

Viešpatie, kol vėl ateisi. Arba:

Išgelbėk mus, pasaulio

Gelbėtojai, už tavo kryžių ir

prisikėlimą jūs mus išlaisvinote.

Amen.

Komunijos apeigos

Gelbėtojo įsakymu ir sukurti dieviškojo mokymo, drįstame pasakyti:

Tėve mūsų, kuris esi danguje,

teesie šventas Tavo vardas; atei

tavo karalystė, bus tavo valia

žemėje kaip danguje. Kasdienės

mūsų duonos duok mums

šiandien, ir atleisk mums mūsų

## Vietnamese (Tiếng Việt)

tôi những vi phạm của chúng tôi, khi chúng ta tha thứ cho những ai xâm phạm chúng ta; và dẫn chúng ta không bị cám dỗ, nhưng hãy giải cứu chúng ta khỏi sự dữ.

Lạy Chúa, xin giải thoát chúng con khỏi mọi điều ác, ân cần ban cho hòa bình trong thời đại của chúng ta, điều đó, nhờ sự giúp đỡ của lòng thương xót của bạn, chúng ta có thể luôn luôn thoát khỏi tội lỗi và an toàn trước mọi khó khăn, khi chúng ta chờ đợi niềm hy vọng may mắn và sự xuất hiện của Đấng Cứu Rỗi của chúng ta, Chúa Giê Su Ky Tô.

Đối với vương quốc, quyền lực và vinh quang là của bạn bây giờ và mãi mãi.

Lạy Chúa Giêsu Kitô, ai đã nói với các Sứ đồ của bạn: Bình yên tôi để lại cho bạn, bình yên của tôi tôi cho bạn, đừng nhìn vào tội lỗi của chúng ta, nhưng dựa trên đức tin của Giáo hội của bạn, và ân cần ban cho cô ấy hòa bình và thống nhất phù hợp với ý muốn của bạn. Ai sống và trị vì mãi mãi.

Amen.

Sự bình an của Chúa luôn ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Chúng ta hãy cho nhau dấu chỉ của hòa bình.

Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cắt đi tội lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cắt đi tội

## Lithuanian (Lietuvis)

kaltės, kaip mes atleidžiame tiems, kurie mus nusižengia; ir nevesk mūsų į pagundą, bet gelbėk mus nuo blogio.

Išgelbėk mus, Viešpatie, nuo visų blogybių, suteik ramybę mūsų dienomis, kad tavo gailėtingumo pagalba, mes visada galime būti laisvi nuo nuodėmės ir saugus nuo visų nelaimių, kaip laukiame palaimingosios vilties ir mūsų Gelbėtojo Jėzaus Kristaus atėjimas.

Už karalystę, galia ir šlovė yra tavo dabar ir visada.

Viešpatie Jėzau Kristau, kurie pasakė jūsų apaštalams: Ramybę aš tau palieku, savo ramybę duodu tau, nežiūrėk į mūsų nuodėmes, bet apie jūsų Bažnyčios tikėjimą, ir maloningai suteik jai ramybę ir vienybę pagal jūsų valią. Kurie gyvena ir viešpatauja per amžius.

Amen.

Viešpaties ramybė tebūna su jumis visada.

Ir su savo dvasia.

Siūlome vieni kitiems taikos ženklą.

Dievo avinėli, tu naikini pasaulio nuodėmes, pasigailėk mūsų. Dievo avinėli, tu naikini pasaulio nuodėmes, pasigailėk mūsų.

## Vietnamese (Tiếng Việt)

Lỗi của thế giới, Hãy thương xót chúng tôi. Chiên con của Đức Chúa Trời, bạn cất đi tội lỗi của thế giới, ban cho chúng tôi hòa bình.

Kìa Chiên Con của Đức Chúa Trời, Kìa người cất tội lỗi thế gian. Phước cho những ai được gọi đến bữa tối của Chiên Con.

Chúa ơi, con không xứng đáng mà bạn nên vào dưới mái nhà của tôi, nhưng chỉ nói lời nói và linh hồn tôi sẽ được chữa lành.

Mình (Máu) của Đấng Christ.

Amen.

Hãy cùng cầu nguyện.

Amen.

## Kết thúc nghi thức

Ban phước

Chúa ở với bạn.

Và với tinh thần của bạn.

Xin Chúa toàn năng phù hộ cho bạn, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Amen.

Sa thái

Đi ra ngoài, thánh lễ đã kết thúc.

Hoặc: Ra đi loan báo Tin Mừng của Chúa. Hoặc: Ra đi trong bình an, đời đời bạn làm vinh hiển Chúa.

Hoặc: Đi trong hòa bình.

Tạ ơn thần.

## Lithuanian (Lietuvis)

Dievo avinėli, tu naikini pasaulio nuodėmes, duok mums ramybę.

Štai Dievo Avinėlis, štai Tą, kuris naikina pasaulio nuodėmes. Palaiminti pašauktieji Avinėlio vakarienei.

Viešpatie, aš nevertas kad tu įeitum po mano stogą, bet tik tark žodį ir mano siela bus išgydyta.

Kristaus Kūnas (Kraujas).

Amen.

Pasimelskime.

Amen.

## Baigiamosios apeigos

Palaiminimas

Viešpats tebūna su tavimi.

Ir su savo dvasia.

Telaimina tave visagalis Dievas, Tėvas, ir Sūnus, ir Šventoji Dvasia.

Amen.

Atleidimas iš darbo

Pirmyn, Mišios baigtos. Arba: Eik ir skelbk Viešpaties Evangeliją.

Arba: Eik ramybėje, savo gyvybe šlovink Viešpatį. Arba: eik ramiai.

Ačiū Dievui.